# BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021 - 2030

## QUẬN HAI BÀ TRƯNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

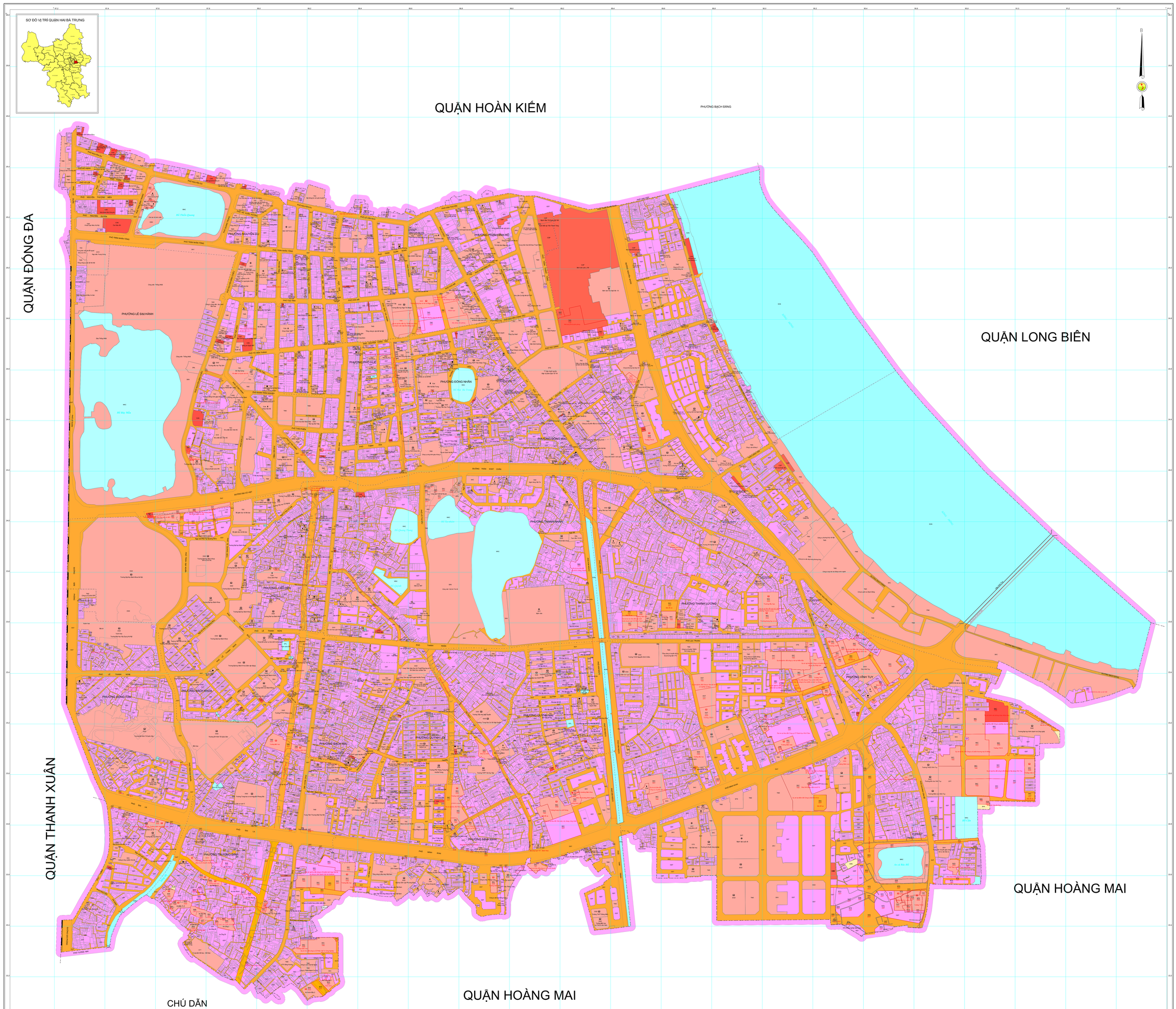


QUẬN HOÀNG MAI

## CHÚ DẪN

| STT | TÊN KÝ HIỆU | KÍ HIỆU HT | KÍ HIỆU QH |
|---|---|---|---|
| 1 | Đất bằng trồng cây hàng năm khác | BHK | KÝ HIỆU QH |
| 2 | Đất an ninh | CAN | KÝ HIỆU QH |
| 3 | Đất quốc phòng | CQP | KÝ HIỆU QH |
| 4 | Đất công trình bưu chính viễn thông | DBV | KÝ HIỆU QH |
| 5 | Đất công trình công cộng khác | DCK | KÝ HIỆU QH |
| 6 | Đất chợ | DCH | KÝ HIỆU QH |
| 7 | Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo | DGD | KÝ HIỆU QH |
| 8 | Đất giao thông | DGT | KÝ HIỆU QH |
| 9 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV | KÝ HIỆU QH |
| 10 | Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ | DKH | KÝ HIỆU QH |
| 11 | Đất công trình năng lượng | DNL | KÝ HIỆU QH |
| 12 | Đất xây dựng cơ sở ngoại giao | DNG | KÝ HIỆU QH |
| 13 | Đất bãi thải, xử lý chất thải | DRA | KÝ HIỆU QH |
| 14 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | KÝ HIỆU QH |
| 15 | Đất thủy lợi | DTL | KÝ HIỆU QH |
| 16 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | KÝ HIỆU QH |
| 17 | Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao | DTT | KÝ HIỆU QH |
| 18 | Đất xây dựng cơ sở văn hóa | DVH | KÝ HIỆU QH |
| 19 | Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội | DXH | KÝ HIỆU QH |
| 20 | Đất xây dựng cơ sở y tế | DYT | KÝ HIỆU QH |
| 21 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC | KÝ HIỆU QH |
| 22 | Đất nông nghiệp khác | NKH | KÝ HIỆU QH |
| 23 | Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ | NTD | KÝ HIỆU QH |
| 24 | Đất nuôi trồng thủy sản | NTS | KÝ HIỆU QH |
| 25 | Đất ở tại đô thị | ODT | KÝ HIỆU QH |
| 26 | Đất phi nông nghiệp khác | PNK | KÝ HIỆU QH |
| 27 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | KÝ HIỆU QH |
| 28 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | KÝ HIỆU QH |
| 29 | Đất cơ sở tín ngưỡng | TIN | KÝ HIỆU QH |
| 30 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | KÝ HIỆU QH |
| 31 | Đất cơ sở tôn giáo | TON | KÝ HIỆU QH |
| 32 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | KÝ HIỆU QH |
| 33 | Đất bằng chưa sử dụng | BCS | |
| | Bệnh viện, trạm y tế | | |
| | Trường học | | |
| | Bưu điện | | |
| | Đình, chùa, miếu, đền | | |
| | Nhà thờ | | |
| | Chợ | | |
| | Trụ sở UBND cấp phường | | |
| | Trụ sở UBND cấp quận | | |
| | Ranh giới khoanh đất | | |
| | Cầu | | |
| | Đường giao thông | | |
| | Đường sắt | | |
| | Sông, ao, hồ | | |
| | Địa giới hành chính quận | | |
| | Địa giới hành chính phường | | |

### DIỆN TÍCH, CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2030

(Tổng diện tích tự nhiên 1025.9 ha)

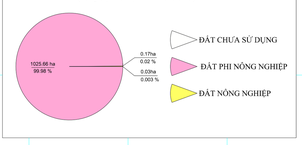


| UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI | SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG | UBND QUẬN HAI BÀ TRƯNG | ĐƠN VỊ TƯ VẤN VIỆN QH VÀ TKNN |
|---|---|---|---|
| *Ngày ... tháng ... năm 202...* CHỦ TỊCH | *Ngày ... tháng ... năm 202...* GIÁM ĐỐC | *Ngày ... tháng ... năm 202...* CHỦ TỊCH | *Ngày ... tháng ... năm 202...* VIỆN TRƯỞNG |

**TỶ LỆ 1:2000**